



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 11

Ngày 01 tháng 3 năm 2014

## MỤC LỤC

Trang

### **PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 27-12-2013 - Chỉ thị số 21/2013/CT-UBND về tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2014. 3

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

- 21-01-2014 - Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức Quận 6. 9

### **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 22-01-2014 - Quyết định số 410/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, phát hiện bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015. 19

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**

- 24-01-2014 - Quyết định số 102/QĐ-UBND về bãi bỏ Quyết định số 2071/2008/QĐ-UBND ngày 22/10/2008 của Ủy ban nhân dân quận 1. 33
- 24-01-2014 - Quyết định số 103/QĐ-UBND về bãi bỏ một phần Quyết định số 494/2007/QĐ-UBND ngày 06/06/2007 của Ủy ban nhân dân quận 1. 35
- 10-02-2014 - Quyết định số 112/QĐ-UBND về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực. 37

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**

- 27-01-2014 - Quyết định số 1370/QĐ-UBND về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành. 39
- 27-01-2014 - Quyết định số 1371/QĐ-UBND về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp (ban hành trước ngày 25 tháng 4 năm 2009) và Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kỳ đầu. 42

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2013/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2013*

### CHỈ THỊ

#### **Về tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố năm 2014**

Năm 2014 là năm có vị trí quan trọng, vừa tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX và kế hoạch 5 năm (2011 - 2015), vừa tích cực chuẩn bị kế hoạch 5 năm (2016 - 2020) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X, trong điều kiện tăng trưởng kinh tế thế giới dự báo sẽ cao hơn năm 2013 và nền kinh tế trong nước từng bước phục hồi. Bên cạnh những kết quả và thuận lợi cơ bản: kinh tế Thành phố tăng trưởng hợp lý, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng gắn với từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc kinh tế, công tác quản lý và phát triển đô thị, lĩnh vực văn hóa, xã hội có chuyển biến tích cực, ... Thành phố đang đối mặt một số khó khăn, thách thức: chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa bền vững; cơ chế chính sách chưa tạo được sự đột phá; kết cấu hạ tầng đô thị còn bất cập; việc kéo giảm tai nạn giao thông, giảm ngập nước, giảm ô nhiễm môi trường chưa có sự chuyển biến căn bản; đời sống nhân dân vẫn còn khó khăn; tình hình trật tự an toàn xã hội diễn biến phức tạp.

Trên cơ sở quán triệt Kết luận số 74-KL/TW ngày 17 tháng 10 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và nhiệm vụ năm 2014 và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về kinh tế - xã hội, trọng tâm là ba đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng; Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và

dự toán ngân sách nhà nước năm 2014; căn cứ Kết luận số 151-KL/TU ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Thành ủy tại Hội nghị lần thứ mười sáu Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa IX, Nghị quyết số 38/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 và Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội, dự toán và phân bổ ngân sách năm 2014. Để tiếp tục phát huy tính năng động, sáng tạo, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, lãnh đạo, chỉ đạo tập trung với quyết tâm chính trị thật cao, quyết liệt tăng tốc và nâng cao chất lượng thực hiện toàn diện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và thu chi ngân sách năm 2014; Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ thị Thủ trưởng các sở - ban - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty nhà nước trực thuộc Thành phố tập trung triển khai các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổ chức quán triệt trong đội ngũ cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị về mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014 và các chương trình, kế hoạch liên quan nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao ngay từ những tháng đầu, quý đầu năm, tạo động lực phát triển mạnh mẽ, toàn diện, chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh.

2. Căn cứ Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố năm 2014, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện. Nội dung kế hoạch tập trung cụ thể hoạt động của các ngành, các thành phần kinh tế trên địa bàn, chuyển dịch đúng hướng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, bảo vệ môi trường, kết hợp chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế với kế hoạch phát triển văn hóa - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, hoạt động đối ngoại; các giải pháp tổ chức thực hiện phải cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng cơ quan, đơn vị; xác định rõ phương thức, điều kiện và thời gian tổ chức thực hiện; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hàng tháng, hàng quý tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm; rà soát kỹ từng chỉ tiêu, đặc biệt là những chỉ tiêu chưa đạt để kịp thời chỉ đạo khắc phục các mặt trì trệ, thiếu sót; đề xuất, kiến nghị tháo gỡ các vướng mắc trong thực hiện.

3. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, nhất là chính sách thuế, tín dụng, thủ tục hành chính, hỗ trợ lãi suất

thực hiện chủ trương kích cầu thông qua đầu tư, xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường, phát triển hệ thống phân phối, đa dạng hóa các loại hình thương mại bán lẻ hiện đại gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả chương trình bình ổn thị trường. Phát triển thị trường, bảo đảm cân đối nhu cầu hàng hóa, tăng cường kiểm soát thị trường, giá cả. Cải thiện môi trường sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Tạo điều kiện, môi trường thuận lợi, bình đẳng để phát triển các thành phần kinh tế và thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Nâng cao vai trò của kinh tế nhà nước và chất lượng kinh tế tập thể, nòng cốt là các hợp tác xã.

4. Lãnh đạo các doanh nghiệp tập trung thực hiện kế hoạch tái cơ cấu, đổi mới quản trị doanh nghiệp đã được phê duyệt, đảm bảo hoạt động sản xuất - kinh doanh có hiệu quả, góp phần chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế.

5. Tăng cường các biện pháp quản lý và bồi dưỡng nguồn thu; hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách. Kiên quyết thu hồi các địa chỉ nhà, đất đã giao cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả và tạo thêm quỹ nhà, đất cho Nhà nước trực tiếp quản lý để đấu giá quyền sử dụng đất, bổ sung nguồn vốn đầu tư. Tiết kiệm chi ngân sách; thanh tra, kiểm tra, giám sát các khoản chi ngân sách và mua sắm, quản lý tài sản công của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách, ở các đơn vị dịch vụ công lập; kiên quyết cắt giảm các khoản chi chưa thật cần thiết và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

6. Tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư công; căn cứ khả năng cân đối ngân sách, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các dự án để ưu tiên bố trí vốn đầu tư các công trình, dự án trọng điểm, công trình chuyển tiếp, các công trình sử dụng vốn viện trợ nước ngoài, các công trình quốc phòng an ninh, phòng chống thiên tai, lụt bão, cứu hộ, cứu nạn và các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2014. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; tạo điều kiện thu hút nguồn vốn của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để đảm bảo huy động cao nhất các nguồn lực cho đầu tư phát triển, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện dự án, chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

7. Tập trung thực hiện hiệu quả 6 Chương trình đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX đề ra gắn với thực hiện ba đột phá chiến lược của Trung ương. Tổ chức sơ kết đánh giá 03 năm triển khai thực hiện; nghiên cứu ban hành hoặc đề xuất Trung ương ban hành các cơ chế chính sách mới, tạo động lực thúc

đẩy quá trình thực hiện các chương trình. Tạo bước đột phá về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Chương trình hành động số 27-CTrHĐ/TU ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Thành ủy và Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**8.** Tiếp tục đầu tư phát triển y tế, giáo dục đào tạo, văn hóa, khoa học và công nghệ. Củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế, đẩy nhanh tiến độ xây dựng bệnh viện, khu y tế kỹ thuật cao; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh nhằm chăm sóc tốt sức khỏe cho nhân dân; tạo chuyển biến căn bản tình trạng quá tải tại các bệnh viện, phát triển hệ thống y tế dự phòng để chủ động phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm. Tăng cường các biện pháp phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực của xã hội đầu tư vào các lĩnh vực giáo dục - đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy các cấp học, ngành học. Củng cố và mở rộng mạng lưới trường lớp, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Quản lý lễ hội đảm bảo tiết kiệm, an ninh trật tự, hạn chế tối đa sử dụng ngân sách để tổ chức lễ hội. Phát triển các giá trị văn hóa mang nét đặc trưng của Thành phố, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Đẩy mạnh xã hội hóa và tập trung đầu tư có trọng điểm một số môn thể thao thành tích cao và chiếm ưu thế của Thành phố. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao; phát huy năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức và trọng dụng chuyên gia khoa học - công nghệ trong và ngoài nước.

**9.** Thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là công tác giảm nghèo, tạo việc làm. Chăm lo chu đáo cho diện chính sách, các đối tượng xã hội, người già, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, cơ nhỡ. Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức thực hiện chương trình giảm hộ nghèo, nâng hộ khá theo hướng phát huy nội lực, kết hợp sự trợ giúp của cộng đồng quốc tế nhằm tăng khả năng tiếp cận của người nghèo đối với các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở,...). Từng bước thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Tiếp tục đầu tư và có chính sách khuyến khích doanh nghiệp xây dựng nhà ở xã hội, nhà giữ trẻ cho người có thu nhập thấp, ký túc xá cho sinh viên, cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho công nhân ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, cho người lao động có thu nhập thấp.

**10.** Tiếp tục thực hiện Chương trình cải cách hành chính gắn với việc triển khai Đề án thí điểm mô hình chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10

tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020. Tiếp tục hoàn chỉnh Đề án thí điểm chính quyền đô thị theo hướng kiện toàn hệ thống quản lý hành chính nhà nước từ Thành phố đến cơ sở để đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đô thị của chính quyền ở đô thị loại đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn với đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính, tạo sự công khai, minh bạch trong công tác quản lý nhà nước. Tăng cường đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, quản lý vốn, tài sản nhà nước. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm để củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, khẩn trương giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng kéo dài; tăng cường tiếp công dân, chủ động giải quyết hiệu quả, kịp thời các kiến nghị của công dân, doanh nghiệp. Nêu cao vai trò, trách nhiệm, gương mẫu, tiêu biểu của tổ chức, cá nhân người đứng đầu trong thực thi công vụ.

**11.** Tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; chủ động phát hiện, kiên quyết đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, đặc biệt là các loại tội phạm có tổ chức về cướp giết, ma túy, bảo kê, tệ nạn mãi dâm, đòi nợ thuê, tội phạm có yếu tố nước ngoài, sử dụng công nghệ cao, buôn lậu, gian lận thương mại; bảo vệ tốt an ninh tư tưởng, an ninh văn hóa, an ninh thông tin, an ninh nông thôn, bảo vệ bí mật nội bộ. Phấn đấu kéo giảm tai nạn giao thông, khắc phục ùn tắc giao thông đô thị. Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân với chất lượng ngày càng cao. Hạn chế thấp nhất tình trạng cháy, nổ; tổ chức tốt công tác cứu hộ, cứu nạn, đảm bảo an toàn tài sản, tính mạng nhân dân. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của phong trào bảo vệ tổ quốc, giữ gìn an ninh trật tự xã hội tại địa bàn dân cư. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng các ngày lễ lịch sử của đất nước và 40 năm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

**12.** Thực hiện tốt đường lối đối ngoại, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực bên ngoài để phát triển Thành phố. Triển khai các chương trình hành động mở rộng mối quan hệ hợp tác kinh tế - xã hội với các địa phương trong cả nước. Thực hiện tốt công tác về người Việt Nam ở nước ngoài. Nâng cao chất lượng thống kê, phân tích, nghiên cứu, dự báo và thông tin kinh tế trong và ngoài nước. Chủ động xây dựng phương án ứng phó với các tác động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước đối với kinh tế Thành phố trong mọi tình huống. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền tạo đồng thuận của xã hội, phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

**13. Tổ chức thực hiện:**

**a)** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố cụ thể hóa Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố năm 2014 thành Chương trình công tác hàng tháng, quý của Ủy ban nhân dân Thành phố; thường xuyên theo dõi, đôn đốc chuẩn bị nội dung; sắp xếp, bố trí để Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, thông qua các đề án và ban hành kế hoạch thực hiện thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố. Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố xây dựng và thực hiện các chương trình công tác, các đề án hoạt động của hệ thống chính trị Thành phố đồng bộ, hiệu quả.

**b)** Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc Thành phố:

- Chấp hành nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; định kỳ hàng tháng, hàng quý, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức hội nghị, làm việc với các đơn vị để nghe báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố năm 2014, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội Thành phố bền vững.

- Phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác điều hành thực hiện nhiệm vụ chung và chuyên môn; tăng cường kiểm tra, giám sát, giải quyết trực tiếp và kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội tại cơ sở, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực đời sống chính trị - xã hội của Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc Thành phố thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Thành phố, góp phần tích cực cùng cả nước hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch năm 2014./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**



## **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2014/QĐ-UBND

*Quận 6, ngày 21 tháng 01 năm 2014*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý Hồ sơ điện tử  
cán bộ, công chức, viên chức Quận 6**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức;

Căn cứ Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế quản lý Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ quận 6 (tại Tờ trình số 30/TTr-NV ngày 15 tháng 01 năm 2014) và ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp quận 6 (tại Công văn số 06/TP ngày 15 tháng 01 năm 2014),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức Quận 6.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng phòng Nội vụ quận 6, Trưởng phòng Tư pháp quận 6, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 6, Hiệu trưởng các trường: Trung học cơ sở, tiểu học, mầm non Rạng Đông thuộc Ủy ban nhân dân quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Quản lý Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức Quận 6**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân quận 6)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, quyền hạn, mối quan hệ giữa các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong việc quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức (Hồ sơ điện tử).

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân 14 phường.

2. Đối tượng áp dụng quy định tại Quy chế này bao gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật;

b) Cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách phường theo quy định của pháp luật;

c) Người lao động làm việc trong các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân quận;

d) Những người làm việc theo chế độ hợp đồng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Hồ sơ điện tử là tập hợp một số thông tin được chuyển hóa từ hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức thành kỹ thuật số lưu trữ trên máy tính.

2. Tài khoản người dùng là tên và mật khẩu để đăng nhập vào phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử.

3. Quản lý tài khoản người dùng là việc tạo mới, cấp phát, hạn chế, mở rộng hoặc hủy bỏ quyền đăng nhập vào phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử.

4. Quản lý hồ sơ điện tử là việc tạo lập, sửa đổi nội dung, thay đổi trạng thái hồ sơ điện tử.

5. Khai thác Hồ sơ điện tử là việc thực hiện các quy trình nghiệp vụ, các chức năng tra cứu, tìm kiếm thông tin về cán bộ, công chức, viên chức hoặc tổng hợp các tiêu chí thông tin, kết xuất các thông tin, lập các bảng biểu thống kê, báo cáo và in các kết quả xử lý được ra màn hình hoặc ra giấy.

#### **Điều 4. Phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử**

1. Phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử là một bộ công cụ để phục vụ việc quản lý, sử dụng, khai thác các thông tin từ Hồ sơ điện tử.

2. Phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử là thành phần trong hệ thống Mạng thông tin thành phố Hồ Chí Minh, được cài đặt trên máy chủ đặt tại Trung tâm dữ liệu của thành phố.

3. Địa chỉ truy cập phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử tại <http://cbcc.hochiminhcity.gov.vn>

#### **Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Truy nhập trái phép hoặc cố ý nâng quyền truy cập vào phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử.

2. Sử dụng thông tin Hồ sơ điện tử vào mục đích vụ lợi cá nhân, các mục đích xuyên tạc sự thật, bôi xấu cán bộ làm ảnh hưởng hoặc chống phá cơ quan nhà nước.

3. Cung cấp hoặc cố ý để lộ tên và mật khẩu đăng nhập vào phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử cho cá nhân, tổ chức không được giao quyền và trách nhiệm quản lý, sử dụng.

### **Chương II**

### **QUẢN LÝ, KHAI THÁC HỒ SƠ ĐIỆN TỬ**

#### **Điều 6. Quản lý tài khoản đăng nhập Hồ sơ điện tử**

1. Cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức được cấp tài khoản

người dùng để đăng nhập, khai thác sử dụng phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Quy chế này.

2. Phòng Nội vụ là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận về công tác quản lý Hồ sơ điện tử và được Ủy ban nhân dân quận ủy quyền sử dụng tài khoản người dùng của Ủy ban nhân dân quận để quản lý, khai thác Hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức Quận 6; tham mưu Ủy ban nhân dân quận Quyết định ủy quyền quản lý, khai thác Hồ sơ điện tử và phân cấp tài khoản người dùng cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận theo quy định; thực hiện chức năng nghiệp vụ về công tác cán bộ, công chức, viên chức trong toàn quận.

3. Cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác, sử dụng Hồ sơ điện tử có trách nhiệm bảo đảm bí mật, an toàn tài khoản người dùng của cơ quan, đơn vị.

### **Điều 7. Mô hình tổ chức Hồ sơ điện tử**

Trên cơ sở tài khoản người dùng do Sở Nội vụ cấp, Hồ sơ điện tử của Quận 6 được tổ chức theo mô hình 2 cấp như sau:

1. Cấp một là cấp có trách nhiệm cập nhật, quản lý và khai thác Hồ sơ điện tử thuộc các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân 14 phường.

2. Cấp hai là cấp có trách nhiệm quản lý, tổ chức triển khai phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử; tổng hợp và lưu trữ Hồ sơ điện tử của các đơn vị cấp một. Ủy ban nhân dân quận thống nhất quản lý Hồ sơ điện tử và ủy quyền cho Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử của quận theo quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật.

### **Điều 8. Nguyên tắc quản lý Hồ sơ điện tử**

1. Cơ quan, đơn vị được ủy quyền cập nhật, quản lý và khai thác Hồ sơ điện tử có trách nhiệm cập nhật kịp thời, chính xác và đầy đủ thông tin cán bộ, công chức, viên chức hiện có mặt theo biên chế được giao vào phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử.

2. Hồ sơ điện tử được quản lý, sử dụng và bảo quản theo chế độ tài liệu mật do Nhà nước quy định, chỉ những người được cơ quan, đơn vị hoặc người có thẩm quyền quản lý Hồ sơ điện tử đồng ý bằng văn bản mới được nghiên cứu, sử dụng và khai thác Hồ sơ điện tử.

3. Thông tin trong Hồ sơ điện tử phải thống nhất với hồ sơ và hồ sơ gốc của cán bộ, công chức, viên chức; Hồ sơ điện tử có giá trị tương đương hồ sơ và hồ sơ gốc của cán bộ, công chức, viên chức.

**Điều 9. Quy trình cập nhật Hồ sơ điện tử**

Cơ quan, đơn vị được ủy quyền cập nhật, quản lý và khai thác Hồ sơ điện tử có trách nhiệm cập nhật những biến động thường xuyên về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức do cơ quan, đơn vị mình quản lý vào phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử, cụ thể như sau:

**1. Lập hồ sơ mới:**

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, cơ quan, đơn vị được giao thẩm quyền quản lý Hồ sơ điện tử có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin cán bộ, công chức, viên chức vào phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử theo quy định.

**2. Cập nhật thông tin Hồ sơ điện tử đã có:**

a) Đối với thông tin thay đổi từ phía cơ quan quản lý nhà nước như: Đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, điều động, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật... cơ quan, đơn vị được giao thẩm quyền quản lý Hồ sơ điện tử có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Hồ sơ điện tử của người đó (thời gian chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày văn bản có hiệu lực).

b) Đối với thông tin thay đổi từ phía cá nhân như: kê khai tài sản, thuế thu nhập cá nhân, kết hôn, ly hôn... cá nhân có trách nhiệm kê khai với cơ quan, đơn vị theo định kỳ được thực hiện đồng thời cùng việc kê khai phiếu bổ sung lý lịch hàng năm hoặc theo yêu cầu quản lý của cơ quan, đơn vị để tiến hành cập nhật vào Hồ sơ điện tử.

**Điều 10. Điều chuyển, tiếp nhận Hồ sơ điện tử**

Cán bộ, công chức, viên chức được điều động, luân chuyển đến cơ quan, đơn vị khác hoặc được bổ nhiệm chức vụ thuộc cơ quan khác quản lý thì Hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức đó vẫn do cơ quan, đơn vị quản lý công chức đó lưu giữ, bảo quản và chỉ được chuyển giao cho các cơ quan, đơn vị khác quản lý khi các cơ quan, đơn vị đó có yêu cầu bằng văn bản.

**Điều 11. Khai thác Hồ sơ điện tử**

1. Cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan quản lý Hồ sơ điện tử được nghiên cứu, sử dụng và khai thác Hồ sơ điện tử để phục vụ yêu cầu công tác (tuyển dụng, nâng ngạch, nâng lương, đào tạo...).

2. Cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác về Hồ sơ điện tử có trách nhiệm tuân thủ các quy trình về an toàn bảo mật thông tin.

**Điều 12. Lưu trữ, bảo quản Hồ sơ điện tử**

1. Hồ sơ điện tử phải được lưu trữ lâu dài để phục vụ công tác nghiên cứu và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức.

2. Việc lưu trữ phải thực hiện tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn đối với Hồ sơ điện tử theo các quy định hiện hành.

3. Hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu, thôi việc, từ trần vẫn được lưu trữ ở cơ quan, đơn vị để theo dõi.

4. Cơ quan quản lý hệ thống, phần mềm Hồ sơ điện tử thường xuyên kiểm tra và có biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn Hồ sơ điện tử; đồng thời bảo đảm tính tương thích trong toàn hệ thống thông tin liên quan đến Hồ sơ điện tử khi có sự thay đổi về thiết bị và công nghệ.

**Điều 13. Chế độ báo cáo công tác quản lý Hồ sơ điện tử**

1. Báo cáo công tác quản lý Hồ sơ điện tử quy định như sau:

a) Hàng năm các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân 14 phường có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý Hồ sơ điện tử thuộc thẩm quyền quản lý về Ủy ban nhân dân quận thông qua Phòng Nội vụ.

Thời hạn gửi báo cáo theo định kỳ hàng năm: Đợt 1 trước ngày 01 tháng 6; Đợt 2 trước ngày 01 tháng 12.

b) Phòng Nội vụ có trách nhiệm tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân quận báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Nội vụ về tình hình thực trạng công tác quản lý Hồ sơ điện tử trong toàn quận.

2. Nội dung báo cáo công tác quản lý Hồ sơ điện tử gồm:

a) Đánh giá việc thực hiện Quy chế quản lý Hồ sơ điện tử của cơ quan, đơn vị;

b) Báo cáo thực trạng số lượng, chất lượng Hồ sơ điện tử (các thông tin được kết xuất từ phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử);

c) Tình trạng trang thiết bị phục vụ công tác quản lý Hồ sơ điện tử.

d) Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp làm công tác quản lý Hồ sơ điện tử;

đ) Kiến nghị (nếu có).

**Chương III**  
**TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG**  
**VIỆC VẬN HÀNH, KHAI THÁC HỒ SƠ ĐIỆN TỬ**

**Điều 14. Phòng Nội vụ**

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn về quản lý Hồ sơ điện tử; đề xuất việc nâng cấp phần mềm bảo đảm yêu cầu về khai thác, sử dụng phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử.

2. Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân 14 phường khai thác, sử dụng phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử vào công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức (tuyển dụng, nâng ngạch, nâng lương, đào tạo...).

3. Được phép sử dụng tài khoản quản trị để quản lý các tài khoản người dùng của các cơ quan, đơn vị thuộc quận.

4. Kiểm tra việc xây dựng và quản lý Hồ sơ điện tử của các cơ quan, đơn vị; tham mưu Ủy ban nhân dân quận báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Nội vụ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 13 Quy chế này.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận đề nghị Sở Nội vụ cấp tài khoản người dùng cho cơ quan, đơn vị mới thành lập.

6. Xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho những người làm công tác quản lý Hồ sơ điện tử.

7. Xây dựng dự toán kinh phí hàng năm để bảo đảm cho việc quản lý và khai thác Hồ sơ điện tử của Quận 6.

8. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân quận thông báo bằng văn bản và trên Trang thông tin điện tử quận 6 cho các cơ quan, đơn vị về việc xảy ra sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố có ảnh hưởng xấu đến việc quản lý và khai thác sử dụng phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử (khi phần mềm ngừng hoạt động trong 2 ngày làm việc liên tiếp).

**Điều 15. Văn phòng Ủy ban nhân dân quận**

1. Có trách nhiệm phối hợp với Phòng Nội vụ trong suốt quá trình triển khai phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử.

2. Hỗ trợ các yêu cầu kỹ thuật, đường truyền mạng truyền số liệu chuyên dùng



thành phố, mạng riêng ảo (VPN) đảm bảo cho việc hoạt động thông suốt của phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử trên môi trường mạng.

### **Điều 16. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

Có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân quận duyệt dự toán kinh phí hàng năm (trên cơ sở đề xuất của Phòng Nội vụ) nhằm bảo đảm hiệu quả cho việc quản lý và khai thác Hồ sơ điện tử của quận.

### **Điều 17. Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân 14 phường**

1. Thực hiện quản lý Hồ sơ điện tử của cơ quan, đơn vị mình theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Được cấp tài khoản người dùng để thực hiện việc cập nhật, quản lý và khai thác Hồ sơ điện tử thuộc cơ quan, đơn vị mình. Quyết định phân công một công chức, viên chức trực tiếp được phép sử dụng tài khoản người dùng để quản lý, khai thác Hồ sơ điện tử.

3. Xây dựng quy chế quản lý và khai thác Hồ sơ điện tử của cơ quan, đơn vị mình theo quy định tại Quy chế này.

4. Kiến nghị và đề xuất với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những quy định liên quan đến chế độ cập nhật, quản lý và khai thác Hồ sơ điện tử.

5. Xây dựng dự toán kinh phí hàng năm để bảo đảm cho việc quản lý và khai thác Hồ sơ điện tử của cơ quan, đơn vị mình.

### **Điều 18. Trách nhiệm của người được phân công trực tiếp làm công tác quản lý, khai thác Hồ sơ điện tử**

1. Được sử dụng tài khoản người dùng của cơ quan, đơn vị để thực hiện việc cập nhật, quản lý và khai thác Hồ sơ điện tử của cơ quan, đơn vị mình; thay đổi mật khẩu được cấp và tự bảo mật tài khoản người dùng của cơ quan, đơn vị.

2. Chịu trách nhiệm về tính kịp thời, chính xác của các thông tin trong Hồ sơ điện tử, sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý Hồ sơ điện tử để cung cấp kịp thời, nhanh chóng, chính xác phục vụ yêu cầu quản lý và tác nghiệp chuyên môn.

3. Áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn và bảo mật Hồ sơ điện tử; đề xuất các biện pháp bảo đảm sử dụng và khai thác có hiệu quả Hồ sơ điện tử.

4. Nghiên cứu, phát hiện và báo cáo với cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý Hồ sơ điện tử.

5. Định kỳ báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị.
6. Trường hợp mất mật khẩu phải báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị và báo cáo bằng văn bản về Phòng Nội vụ để được cấp lại mật khẩu mới.
7. Thường xuyên học tập, trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 19. Tổ chức thực hiện**

1. Phòng Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân 14 phường triển khai thực hiện Quy chế này. Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân quận báo cáo kết quả triển khai thực hiện với Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Nội vụ theo quy định.
2. Đây là một trong các tiêu chí để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, khen thưởng hàng năm cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân 14 phường và các cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Quy chế này.
3. Cơ quan, đơn vị và cá nhân vi phạm các điều, khoản trong Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc, phát sinh các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân 14 phường kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân quận thông qua Phòng Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân quận xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 410/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2014*

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng,  
phát hiện bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật,  
thể dục - thể thao Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX về chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 54/SVHTTDL-TCCB ngày 06 tháng 01 năm 2014 về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, phát hiện bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao giai đoạn 2011 - 2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, phát hiện bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, và Thủ trưởng các sở - ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, phát hiện,  
bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật,  
thể dục - thể thao giai đoạn 2011 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 410/QĐ-UBND  
ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Căn cứ Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX về chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015;

Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, phát hiện bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

1. Tăng cường phát hiện, tuyển chọn, đào tạo tài năng trên các lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao, bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, xây dựng lực lượng này trở thành những chuyên gia ở các lĩnh vực trên, góp phần thực hiện tốt định hướng xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; củng cố, xây dựng, phát triển lĩnh vực thể dục - thể thao, nhất là thể thao thành tích cao của thành phố nhằm bổ sung nhân tài phục vụ việc phát triển ngành, nâng cao vị thế của thể thao Thành phố trên đấu trường hội nhập quốc tế trong những năm tiếp theo.

2. Trên cơ sở đánh giá hiện trạng nhân lực ngành văn hóa - nghệ thuật, thể dục thể thao cũng như đúc kết những bài học kinh nghiệm từ các chương trình quy hoạch phát triển nguồn nhân lực trong các giai đoạn trước, Chương trình giai đoạn 2011 - 2015 cần đề ra những giải pháp khả thi để thực hiện được mục tiêu chiến lược của Thành phố. Vì vậy, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở - ngành liên quan cũng

như sự theo dõi, chỉ đạo thường xuyên của các cấp lãnh đạo nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung rút kinh nghiệm việc thực hiện chương trình từng năm để năm sau luôn thực hiện tốt hơn năm trước.

## II. MỤC TIÊU

1. Rà soát, phát hiện và tuyển chọn tài năng, năng khiếu của thành phố giai đoạn 2011 - 2015, đặc biệt đào tạo năng khiếu từ độ tuổi thiếu nhi, thiếu niên nhằm bổ sung nhân lực phục vụ việc phát triển ngành, tạo nguồn lực lượng kế thừa trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thể dục - thể thao cho thành phố.

2. Giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, phẩm chất đạo đức cho lực lượng kế thừa song song với đào tạo kỹ năng, bồi dưỡng tài năng.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo, tạo giải pháp hiệu quả hơn đối với việc phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài nghệ thuật; trau dồi kỹ năng, nâng cao tài năng cho lực lượng văn nghệ sĩ. Đồng thời định hướng phát triển nghề nghiệp cho thế hệ nghệ sĩ, diễn viên trẻ sau thời gian học tập thật sự là những chuyên gia, và tương lai sẽ trở thành những cánh chim đầu đàn trên từng lĩnh vực hoạt động.

4. Góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có tài và có tâm góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa nghệ thuật nước nhà, đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa đang ngày một phát triển.

5. Đào tạo lực lượng vận động viên trẻ tài năng đạt huy chương tại Khu vực, Châu lục và Thế giới (SEA Games, Asiad, Olympic). Đồng thời, đào tạo lực lượng cán bộ, huấn luyện viên, trọng tài có trình độ quốc tế nhằm nâng cao vị thế của thể dục thể thao Thành phố trên đấu trường quốc tế trong giai đoạn 2011 - 2015 và những năm tiếp theo. Từ đó, phát triển thể thao Thành phố đúng tầm với vị trí là một đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về nhiều mặt của cả nước.

6. Nâng cao khả năng lãnh đạo, quản lý nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật và thể dục - thể thao.

## III. NỘI DUNG

**1. Chương trình nâng cao chất lượng, phát hiện bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật giai đoạn 2011 - 2015 và những năm tiếp theo:**

### **1.1. Nội dung chương trình:**

- Đào tạo các chuyên ngành liên quan đến hoạt động bảo tàng như văn hóa học, sử học, dân tộc học, khảo cổ học, bảo tàng học, v.v...

- Tập trung đào tạo diễn viên các bộ môn nghệ thuật truyền thống như: cải lương, hát bội, múa rối nước, múa dân gian, v.v... nhằm bảo tồn, duy trì giá trị văn hóa truyền thống quý báu của dân tộc.

- Bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, hoàn thiện kỹ xảo cho các diễn viên, nghệ sĩ ở các bộ môn xiếc, rối, v.v...

- Đào tạo chuyên môn (đại học, sau đại học) cho các chức danh đạo diễn, biên đạo múa, nghệ sĩ chỉ huy hợp xướng, chỉ huy dàn nhạc, v.v... cũng như ở các lĩnh vực nghệ thuật khác.

### **1.2. Đối tượng đào tạo:**

- Cán bộ trẻ, có chiều hướng phát triển tốt và có tâm huyết với ngành đang làm công tác quản lý; các bảo tàng viên phụ trách các lĩnh vực bảo quản, bảo tồn, nghiên cứu sưu tầm những di tích, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của khối di sản văn hóa. Đây là nguồn nhân lực sẽ đáp ứng yêu cầu phát triển của lĩnh vực di sản văn hóa trong tương lai.

- Diễn viên giỏi, yêu nghề đang hoạt động nghệ thuật tại các đơn vị nghệ thuật;

- Tuyển chọn, đào tạo những học sinh, sinh viên tốt nghiệp các ngành nghệ thuật; đạt giải cao trong các hội diễn, hội thi; có năng khiếu và đam mê để đào tạo chuyên sâu nhằm trang bị thêm kỹ năng biểu diễn sân khấu thực tế;

- Tài năng xuất thân trong các gia đình có nhiều thế hệ làm nghệ thuật nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể quý báu của dân tộc.

### **1.3. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng:**

- Áp dụng nhiều phương thức đào tạo từ ngắn hạn đến dài hạn, từ đào tạo chính quy đến bồi dưỡng, truyền nghề, trong nước lẫn ngoài nước,... tùy thuộc vào đặc thù của bộ môn, điều kiện đào tạo trong và ngoài nước cũng như nguồn lực của từng đơn vị.

- Dựa vào đặc thù của từng lĩnh vực để mời chuyên gia nước ngoài giảng dạy và truyền đạt kinh nghiệm cho lực lượng học viên, diễn viên, bảo tàng viên ngay trong nước hoặc đưa học viên ra nước ngoài để vừa tiết kiệm ngân sách vừa tăng hiệu quả đào tạo.

- Đặc biệt, đối với một số loại hình nghệ thuật truyền thống, điển hình như bộ môn nghệ thuật hát bội, cải lương, múa rối nước; việc áp dụng hình thức đào tạo truyền nghề, bồi dưỡng tại chỗ là giải pháp chủ đạo.

#### **1.4. Chỉ tiêu cụ thể:**

##### **2.1. Đào tạo, bồi dưỡng trong nước:**

• *Dài hạn:*

- 03 tiến sĩ chuyên ngành lịch sử.
- 07 thạc sĩ chuyên ngành văn hóa học, sử học.
- 20 diễn viên trung cấp cải lương.
- 07 trung cấp diễn viên xiếc (tại Hà Nội).
- 05 đạo diễn sân khấu.
- 02 thạc sĩ lý luận phê bình.
- 01 cao học thanh nhạc (giảng viên).
- Mở lớp cử nhân biên kịch sân khấu; duy trì lớp đào tạo nguồn diễn viên giao hưởng - nhạc, vũ kịch; lớp trung cấp cải lương.

• *Ngắn hạn:*

- Đào tạo, bồi dưỡng 10 nghệ nhân các bộ môn nghệ thuật truyền thống
- Duy trì lớp truyền nghề nghệ thuật hát bội cho các diễn viên thuộc Nhà hát Nghệ thuật Hát Bội, Múa rối.

##### **2.2. Đào tạo dài hạn ở nước ngoài:**

Đào tạo tại Châu Âu (Pháp, Nga), Hàn Quốc, Úc, v.v... các chỉ tiêu:

- 01 họa sĩ thiết kế sân khấu truyền thống,
- 03 họa sĩ thiết kế sân khấu hiện đại,
- 10 trung cấp diễn viên múa dân gian,
- 10 cao đẳng diễn viên múa dân gian,
- 06 trung cấp diễn viên nhạc cụ dân tộc,
- 02 cử nhân biên đạo múa dân gian,
- 10 trung cấp diễn viên Xiếc (tại Nga),



- 06 cử nhân nhạc (giao hưởng), 04 thạc sĩ ngành nhạc (giao hưởng),
- 02 cử nhân biên đạo múa solist,
- 04 trung cấp múa solist, 02 thạc sĩ ngành nhạc kịch,
- 01 cao học nghệ thuật,
- 06 đạo diễn ánh sáng,
- 06 đạo diễn âm thanh.

## **2. Chương trình đào tạo nguồn nhân lực thể thao thành tích cao Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012 - 2015 và những năm tiếp theo:**

### **2.1. Nội dung chương trình:**

Dựa vào trình độ hiện tại và mục tiêu phát triển thành tích cao, phát huy thế mạnh của các môn thể thao truyền thống của Thành phố trong giai đoạn mới, tạo sự đột phá thành tích thể thao trên bước đường hội nhập quốc tế, Chương trình thực hiện việc quy hoạch phân nhóm bộ môn. Xác định tập trung đầu tư **20 môn thể thao trọng điểm** gồm:

+ Ba môn trọng điểm cơ bản của Olympic gồm: điền kinh, bơi lội, thể dục dụng cụ.

+ Các môn truyền thống, có ưu thế của Thành phố, có tiềm năng phát triển cao đạt thành tích quốc tế: *bóng bàn, taekwondo, nhảy cầu, đấu kiếm, cầu lông, bắn cung, karatedo, bóng chày, quần vợt, judo, đua thuyền (rowing và canoeing), cờ vua, boxing, bóng đá, bóng rổ, trampoline.*

### **2.2. Đối tượng đào tạo và tiêu chí tuyển chọn:**

Chương trình tập trung đào tạo nâng cao cho lực lượng vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài và cán bộ chuyên môn. Theo đó, các đối tượng được tuyển chọn phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

#### **a) Vận động viên:**

+ Trẻ tuổi, có hình thái, năng khiếu thể thao phù hợp với sự phát triển dài hạn chuyên sâu.

+ Nỗ lực tập luyện (ý chí, chuyên cần, sự đam mê).

+ Thành tích thể thao nổi bật (dựa trên thành tích hiện tại và theo dự báo sẽ phát triển cao).

+ Nhân cách tốt (có đạo đức, tác phong tốt, có lòng yêu nước, phục vụ lâu dài cho sự nghiệp thể dục thể thao).

+ Có khả năng chịu đựng lượng vận động cao.

**b) Huấn luyện viên, Trọng tài, Cán bộ chuyên môn:** tuyển chọn từ đội ngũ vận động viên trưởng thành đáp ứng những điều kiện, tiêu chuẩn sau:

+ Đã có thành tích đóng góp cho thể thao Quốc gia và Thành phố.

+ Có tư cách đạo đức tốt.

+ Có nguyện vọng phục vụ cho ngành lâu dài.

+ Đảm bảo trình độ ngoại ngữ để tiếp thu, giao tiếp và làm việc ở nước ngoài.

+ Có tinh thần học hỏi, cần cù trong công việc, có khả năng báo cáo, phân tích, tổng hợp giáo án, chương trình huấn luyện để sau các đợt tập huấn có thể huấn luyện các vận động viên với trình độ cao và truyền đạt kinh nghiệm cho đồng nghiệp khác.

+ Có thể đáp ứng được yêu cầu làm việc dài hạn ở nước ngoài, không vướng bận công việc, gia đình, có ý thức, phẩm chất đạo đức tốt, lập trường chính trị vững vàng.

+ Có khả năng đối ngoại, quan hệ tốt với các nước để tạo điều kiện làm việc cho đội cũng như làm cầu nối cho các đội khác sau này.

### **2.3. Chỉ tiêu:**

#### **a) Vận động viên trẻ tài năng:**

Với 20 bộ môn thể thao trọng điểm nêu trên, trong cả giai đoạn 2011 - 2015, tổng số vận động viên trẻ tài năng dự kiến đào tạo là 167 lượt (với sự tham gia cùng học tập tích lũy kinh nghiệm của 61 huấn luyện viên).

Giai đoạn 2011 - 2012 đã đào tạo 27 vận động viên trẻ tài năng (với sự tháp tùng của 9 huấn luyện viên).

Giai đoạn 2013 - 2015 dự kiến tiếp tục đào tạo 140 lượt vận động viên (cùng với 52 huấn luyện viên tháp tùng); thực hiện 2 chu kỳ, mỗi chu kỳ đào tạo 70 vận động viên trẻ tài năng kéo dài trong 18 tháng (mỗi bộ môn đào tạo từ 02 đến 05 vận động viên) tại một số quốc gia như: Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Úc, Đài Loan

(Trung Quốc), Indonesia, Malaysia, Bulgary, Cuba, Pháp, Nga, v.v... Chi tiêu phân bổ cụ thể cho từng bộ môn như sau:

- Điền kinh, Bơi lội, Thể dục dụng cụ, Bóng bàn, Judo, Đua thuyền, Taekwondo, Cử tạ: *mỗi môn 05 vận động viên/chu kỳ;*

- Quần vợt: *04 vận động viên/chu kỳ;*

- Đấu kiếm, Cờ vua, Cầu lông, Boxing, Karatedo, Bóng đá: *mỗi môn 03 vận động viên/chu kỳ;*

- Nhảy cầu, Bắn cung, Bóng rổ, Bóng chuyền: *mỗi môn 02 vận động viên/chu kỳ.*

Bên cạnh đó, ở mỗi bộ môn, các vận động viên (VĐV) được cử đi đào tạo còn cần có huấn luyện viên (HLV) tháp tùng chịu trách nhiệm hướng dẫn ban đầu cho VĐV tại địa điểm tập huấn. Số lượng HLV tháp tùng tùy thuộc vào đặc thù của bộ môn và số lượng VĐV được cử đi đào tạo, thường từ 1 - 2 HLV cho mỗi môn. Nếu có điều kiện, những HLV này có thể ở lại cùng học tập với VĐV, nếu không sẽ bàn giao công tác huấn luyện lại cho HLV tại nước sở tại và trở về nước tiếp tục công tác chuyên môn.

### **b) Huấn luyện viên, Trọng tài**

Trong cả giai đoạn 2011 - 2015, dự kiến đào tạo 116 lượt huấn luyện viên/trọng tài, với hai giai đoạn:

Giai đoạn 2011 - 2012 đã đào tạo 11 huấn luyện viên/trọng tài.

Giai đoạn 2013 - 2015 dự kiến tiếp tục đào tạo 105 lượt huấn luyện viên, trọng tài. Trong giai đoạn này, mỗi năm tập trung đào tạo 35 huấn luyện viên/trọng tài ở 18 bộ môn (mỗi năm mỗi bộ môn đào tạo 1-2 huấn luyện viên/trọng tài) tại các quốc gia như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Nga, v.v... Chi tiêu phân bổ cụ thể cho từng bộ môn như sau:

- Bơi lội: *03 huấn luyện viên hoặc trọng tài/năm;*

- Bóng bàn, Cử tạ, Karatedo, Cầu lông, Taekwondo, Wushu, Điền kinh, Bóng chuyền, Quần vợt, Judo, Bóng rổ, Bóng đá, Boxing, Thể dục dụng cụ, Cờ vua: *mỗi bộ môn 02 huấn luyện viên hoặc trọng tài/năm;*

- Đua thuyền, Kiếm: *mỗi bộ môn 01 huấn luyện viên hoặc trọng tài/năm.*

### **c) Cán bộ chuyên môn**

Tập trung thực hiện trong giai đoạn 2013 - 2015, dự kiến đào tạo từ 14 đến 16 cán bộ chuyên môn, bác sĩ thể thao tại Pháp, Úc, Đài Loan (Trung Quốc), v.v...

#### **2.4. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng:**

##### **a) Đào tạo dài hạn ở nước ngoài:**

Đối với lực lượng vận động viên, huấn luyện viên, đào tạo dài hạn ở nước ngoài vẫn là giải pháp hiệu quả nhất đáp ứng được yêu cầu phát triển cho thể thao thành tích cao Thành phố trong giai đoạn hiện nay. Trong giai đoạn chuyên môn hóa hay chuyên môn hóa sâu, việc đào tạo được thực hiện với chu kỳ từ 1 - 2 năm tại các địa điểm đã được xác định trước áp dụng cho các vận động viên, huấn luyện viên các bộ môn được tập trung đầu tư. Đảm bảo đủ các điều kiện cho việc tập luyện nâng cao lượng vận động và phát triển thành tích thể thao theo kế hoạch. Trong thời gian tham gia đào tạo, không tham gia thi đấu các giải không có trong kế hoạch huấn luyện dài hạn đề ra.

##### **b) Tập huấn ngắn hạn tại nước ngoài:**

Duy trì việc tập huấn ngắn hạn tại nước ngoài đối với vận động viên, huấn luyện viên các bộ môn trong giai đoạn chuyên môn hoặc giai đoạn tiền thi đấu từ 1 - 3 tháng trong năm, chủ yếu để thay đổi môi trường tập luyện, tạo hưng phấn thể thao cao, thích ứng với các điều kiện tập luyện hiện đại và cọ xát với các đối thủ mạnh để nâng cao trình độ, tâm lý và cải thiện thành tích thi đấu.

##### **c) Kết hợp với y học, dinh dưỡng:**

Phối hợp với các chuyên viên về y học thể dục thể thao, dinh dưỡng để xây dựng kế hoạch huấn luyện đảm bảo có sự hỗ trợ của y học và dinh dưỡng; đảm bảo sự hồi phục cho vận động viên. Tạo sự đột phá về khả năng chịu đựng lượng vận động và phát triển thành tích thể thao. Đây là điều tối cần thiết đối với thể thao đỉnh cao nhưng hiện tại ở Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh chưa được ứng dụng. Cấp thêm kinh phí sử dụng thuốc, thực phẩm chức năng ngoài tiền ăn và ở cho các vận động viên tập huấn dài hạn ở nước ngoài. Không có sự hỗ trợ của y học và dinh dưỡng, vận động viên không thể chịu đựng được lượng vận động cao và có hiệu quả trong tập luyện. Theo dự kiến mỗi ngày cần khoảng 10 USD cho chi phí này. Việc này cần được thực hiện theo kế hoạch do chuyên gia (HLV tại nước sở tại) và bác sĩ thể thao yêu cầu theo từng giai đoạn phù hợp với lộ trình của kế hoạch huấn luyện.

**d) Kết hợp giữa tập luyện và thi đấu:**

Nghiên cứu và phối hợp giữa các giải thi đấu trong nước và quốc tế (dự kiến) để có kế hoạch thi đấu phù hợp với kế hoạch huấn luyện. Xác định rõ các giải thi đấu trong, ngoài nước cần thiết để đánh giá năng lực vận động viên, tiến độ phát triển thành tích, kết quả cần xác định. Việc xác định các đỉnh trong hệ thống thi đấu rất cần thiết để phục vụ cho công tác huấn luyện. Nâng dần các đỉnh thi đấu, tập trung vào đỉnh chính cần kết quả cao (không nhất thiết phải thi đấu hết tất cả các giải, chỉ thi đấu khi nền tảng tập luyện đủ và cần thiết).

**2.5. Địa điểm đào tạo, tập huấn:**

Tiến hành khảo sát, lựa chọn và ký kết hợp đồng hợp tác với các địa phương, đơn vị, học viện, cơ quan quản lý huấn luyện thể thao của các quốc gia và vùng lãnh thổ; địa điểm chọn lựa phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Phát triển hợp tác quốc tế.

Có thành tích đào tạo.

Có đội ngũ huấn luyện viên giỏi, có kinh nghiệm huấn luyện trẻ và nâng cao, phù hợp với nội dung các môn thể thao theo yêu cầu của Thành phố.

Có cơ sở vật chất, nơi ăn, ở, tập luyện tiện nghi, trang thiết bị tập luyện đạt quy chuẩn quốc tế.

Có nền y học thể dục thể thao phát triển, có khả năng phối hợp và hỗ trợ quá trình huấn luyện cho vận động viên cấp cao.

Trên cơ sở đó, các địa điểm được chọn dựa trên các ký kết hợp tác đào tạo, các cường quốc của từng môn thể thao hoặc đã từng được các môn thể thao tham gia tập huấn đánh giá chất lượng cao như: Pháp, Nga, Nhật, Hàn Quốc, Mỹ, Hoa Kỳ, Indonesia, Thái Lan...

**IV. KINH PHÍ**

Kinh phí thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, phát hiện bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao giai đoạn 2011-2015 từ nguồn ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí xã hội hóa, học bổng từ các tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan.

Tổng kinh phí thực hiện chương trình khoảng **325 tỉ đồng**, phân bổ theo từng giai đoạn hoặc từng năm như sau:

- Giai đoạn 2011 - 2012: đã được giao 14.623.173.000 đồng, trong đó:
  - + Lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật: 5.154.457.000 đồng;
  - + Lĩnh vực Thể dục thể thao: 9.468.716.000 đồng.
- Giai đoạn 2013 - 2015: dự kiến sử dụng 310.413.500.000 đồng, trong đó:
  - + Lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật: 110.213.600.000 đồng;
  - + Lĩnh vực Thể dục thể thao: 200.199.900.000 đồng.

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách; Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ phê duyệt kinh phí cụ thể theo đề xuất của cơ quan chủ trì thực hiện chương trình.

## **V. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**

### **1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:**

- Chủ trì, phối hợp, triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, phát hiện bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao giai đoạn 2011 - 2015; xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm thông qua Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt; tổ chức thực hiện tốt kế hoạch hàng năm khi được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Phối hợp chặt chẽ với các Sở - ngành có liên quan thực hiện kế hoạch; kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết những vấn đề có liên quan trong quá trình thực hiện kế hoạch này.

- Tham mưu đề xuất xây dựng quy chế tuyển chọn và đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch hàng năm.

- Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tại các đơn vị trực thuộc.

- Báo cáo sơ kết hàng năm, tổng kết từng giai đoạn và cả chương trình gửi về Ban Chỉ đạo Chương trình.

### **2. Sở Nội vụ:**

Thường xuyên theo dõi, phối hợp chặt chẽ với Sở Văn hóa, Thể thao, và Du lịch trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể dục thể thao.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Thẩm định kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể dục thể thao, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

#### **4. Sở Tài chính:**

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối và bố trí nguồn kinh phí thực hiện chương trình đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể dục thể thao Thành phố;

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập dự toán chi tiết và thẩm định kinh phí hàng năm trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định; nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố cơ chế, chính sách về tài chính, thuế; huy động các nguồn lực để thực hiện chương trình.

**5. Sở Giáo dục và Đào tạo:** phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác đào tạo văn hóa cho đội ngũ thiếu nhi, thiếu niên, thanh niên nhằm đảm bảo hoàn chỉnh trình độ văn hóa cho lực lượng diễn viên, nghệ sĩ, vận động viên trong độ tuổi đi học.

#### **6. Các cơ sở đào tạo:**

- Tích cực đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học để nắm bắt nhu cầu, xây dựng các nội dung, chuyên đề đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức phù hợp với yêu cầu thực tế của lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật và thể dục thể thao Thành phố. Tăng cường bồi dưỡng chuẩn hoá, mở rộng quy mô bồi dưỡng trên chuẩn đối với giảng viên, cán bộ quản lý theo mục tiêu bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đào tạo liên tục giai đoạn 2011 - 2015.

- Tổ chức biên soạn chương trình, giáo án, giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn phù hợp với tình hình, bối cảnh mới.

- Xây dựng nội dung chương trình và tổ chức bồi dưỡng về nghiệp vụ cho giảng viên chưa qua trường, lớp sư phạm.

**7. Các Sở - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện:** trên cơ sở kế hoạch được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hàng năm của cơ quan, đơn vị; phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chương trình.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các Sở -

ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để xem xét, giải quyết./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**



**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 1****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 102/QĐ-UBND

*Quận 1, ngày 24 tháng 01 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH****Về bãi bỏ Quyết định số 2071/2008/QĐ-UBND ngày 22/10/2008  
của Ủy ban nhân dân quận 1****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư 09/2013/TT-BTP ngày 15/6/2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 11/TTr-TP ngày 23 tháng 01 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay bãi bỏ Quyết định số 2071/2008/QĐ-UBND ngày 22/10/2008 của UBND quận 1 về ban hành quy định trình tự thủ tục tổ chức thực hiện quyết định hành chính trên địa bàn quận 1 vì không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 1, Thủ trưởng các phòng ban đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Trương Hải Hiếu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 103/QĐ-UBND

*Quận 1, ngày 24 tháng 01 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về bãi bỏ một phần Quyết định số 494/2007/QĐ-UBND  
ngày 06/6/2007 của Ủy ban nhân dân quận 1**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư 09/2013/TT-BTP ngày 15/6/2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 11/TTr-TP ngày 23 tháng 01 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ Chương II “Quy trình tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn”; Khoản 1 Điều 13 và Khoản 1 Điều 15 Mục 2 Chương IV “Quy trình giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo” và Chương VIII “Quy trình tổ chức thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại có hiệu lực pháp luật” của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 494/2007/QĐ-UBND ngày 06/6/2007 của Ủy ban nhân dân quận 1 vì không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 1, Thủ trưởng các phòng ban đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Trương Hải Hiếu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 112/QĐ-UBND

*Quận 1, ngày 10 tháng 02 năm 2014*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15/6/2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về bãi bỏ Quyết định số 2071/2008/QĐ-UBND ngày 22/10/2008 của Ủy ban nhân dân quận 1;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về bãi bỏ một phần Quyết định số 494/2007/QĐ-UBND ngày 06/6/2007 của Ủy ban nhân dân Quận 1;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 12/TTr-TP ngày 25 tháng 01 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố Quyết định số 2071/2008/QĐ-UBND ngày 22/10/2008 của

Ủy ban nhân dân quận 1 về việc ban hành quy định trình tự thủ tục tổ chức thực hiện quyết định hành chính trên địa bàn quận 1; Chương II, Khoản 1 Điều 13 và Khoản 1 Điều 15 Mục 2 Chương IV và Chương VIII của quy định ban hành kèm Quyết định số 494/2007/QĐ-UBND ngày 06/6/2007 của Ủy ban nhân dân quận 1 về quy trình tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quận 1, hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/01/2014.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 1, Thủ trưởng các phòng ban đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Trương Hải Hiếu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1370/QĐ-UBND

*Gò Vấp, ngày 27 tháng 01 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Gò Vấp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp quận Gò Vấp tại Tờ trình số 28/TTr-PTP ngày 25 tháng 01 năm 2014 về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành và công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp (*ban hành trước ngày 25 tháng 4 năm 2009*) và Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kỳ đầu,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố 01 văn bản của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp hết hiệu lực thi hành (*theo Danh mục đính kèm*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tư pháp quận, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Võ Ngọc Quốc Thuận**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Gò Vấp, ngày 27 tháng 01 năm 2014*

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT  
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP BAN HÀNH HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ**  
*(Kèm theo Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp  
về việc công bố danh mục văn bản hết hiệu lực thi hành)*

| <b>STT</b> | <b>Tên loại văn bản</b> | <b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b> | <b>Tên gọi của văn bản/<br/>Trích yếu nội dung văn bản</b>  | <b>Lý do hết hiệu lực</b>                          | <b>Ngày hết hiệu lực</b> |
|------------|-------------------------|---|---|--|--------------------------|
| 01         | Chỉ thị                 | Chỉ thị số 05/2003/CT-UB<br>ngày 29/8/2003            | Chỉ thị về thực hiện nhiệm vụ xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên theo Quyết định số 117/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 174/2002/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. | Hết thời hạn có hiệu lực đã được nêu trong Chỉ thị | 15/10/2003               |

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1371/QĐ-UBND

*Gò Vấp, ngày 27 tháng 01 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp (*ban hành trước ngày 25 tháng 4 năm 2009*) và Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kỳ đầu**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Gò Vấp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp quận Gò Vấp tại Tờ trình số 28/TTr-PTP ngày 25 tháng 01 năm 2014 về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành và công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp (*ban hành trước ngày 25 tháng 4 năm 2009*) và Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kỳ đầu,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp (*ban hành trước ngày 25 tháng 4 năm 2009*) và Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kỳ đầu (*theo các Danh mục đính kèm*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tư pháp quận, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Võ Ngọc Quốc Thuận**

*Gò Vấp, ngày 27 tháng 01 năm 2014*

**DANH MỤC**

**TỔNG HỢP CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP THUỘC ĐỐI TƯỢNG HỆ THỐNG HÓA TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA**

*(Kèm theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp ban hành trước ngày 25 tháng 4 năm 2009 và Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kỳ đầu)*

| <b>STT</b>                                      | <b>Tên loại văn bản</b> | <b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b> | <b>Tên gọi của văn bản/<br/>Trích yếu nội dung của văn bản</b>  | <b>Thời điểm có hiệu lực</b> | <b>Ghi chú</b>   |
|---|-------------------------|---|---|------------------------------|--|
| <b>I. NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN</b> |                         |   |   |                              |  |
| 01  | Nghị quyết              | Nghị quyết số 20/2008/NQ-HĐND ngày 11/7/2008          | Nghị quyết về quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo quận Gò Vấp đến năm 2020. | 11/7/2008                    | Trường hợp tính đến thời điểm hệ thống hóa (31/12) mà văn bản chưa có hiệu lực thì ghi rõ “Chưa có hiệu lực” hoặc văn bản đã hết hiệu lực một phần thì ghi rõ “Hết hiệu lực một phần”. |

| STT  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản   | Thời điểm có hiệu lực | <p style="text-align: center;"><b>Ghi chú</b></p> Trường hợp tính đến thời điểm hệ thống hóa (31/12) mà văn bản chưa có hiệu lực thì ghi rõ “Chưa có hiệu lực” hoặc văn bản đã hết hiệu lực một phần thì ghi rõ “Hết hiệu lực một phần”. |
|--|------------------|--|--|-----------------------|--|
| <b>II. QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN</b> |                  |  |  |                       |  |
| 01   | Quyết định       | Quyết định số 16/2006/QĐ-UBND ngày 10/4/2006   | Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo công tác phòng không nhân dân quận Gò Vấp.   | 17/4/2006             |  |
| 02   | Quyết định       | Quyết định số 26/2006/QĐ-UBND ngày 18/8/2006   | Quyết định ban hành quy chế sử dụng và quản lý chương trình phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại các đơn vị thuộc quận Gò Vấp.          | 25/8/2006             |  |
| 03   | Quyết định       | Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 27/5/2008   | Quyết định về sắp xếp lại tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND.                     | 06/6/2008             |  |
| 04   | Quyết định       | Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 13/10/2008  | Quyết định ban hành Quy chế phân công trách nhiệm tiếp công dân, nhận và xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo tại UBND quận Gò Vấp. | 13/10/2008            |  |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản   | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú<br>Trường hợp tính đến thời điểm hệ thống hóa (31/12) mà văn bản chưa có hiệu lực thì ghi rõ “Chưa có hiệu lực” hoặc văn bản đã hết hiệu lực một phần thì ghi rõ “Hết hiệu lực một phần”. |
|-----|------------------|--|--|-----------------------|---|
| 05  | Quyết định       | Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 04/02/2010  | Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức quán triệt và thực hiện chiến lược phòng, chống tham nhũng đến năm 2020.   | 11/02/2010            |   |
| 06  | Quyết định       | Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 27/9/2010   | Quyết định ban hành Quy chế về hỗ trợ chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác giúp đỡ Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm.                           | 04/10/2010            |   |
| 07  | Quyết định       | Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 30/5/2011   | Quyết định về sửa đổi, bổ sung Quy chế về hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm | 06/6/2011             |   |
| 08  | Quyết định       | Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 16/9/2011   | Quyết định ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức thuộc quận Gò Vấp.  | 23/9/2011             |   |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản   | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú<br>Trường hợp tính đến thời điểm hệ thống hóa (31/12) mà văn bản chưa có hiệu lực thì ghi rõ “Chưa có hiệu lực” hoặc văn bản đã hết hiệu lực một phần thì ghi rõ “Hết hiệu lực một phần”. |
|-----|------------------|--|--|-----------------------|---|
| 09  | Quyết định       | Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 30/11/2011  | Quyết định ban hành Quy định về công tác thi đua khen thưởng tại quận Gò Vấp.  | 07/12/2011            |   |
| 10  | Quyết định       | Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 01/6/2012   | Quyết định ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Gò Vấp.  | 07/6/2012             |   |
| 11  | Quyết định       | Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 01/6/2012   | Quyết định ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Gò Vấp.   | 07/6/2012             |   |
| 12  | Quyết định       | Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 05/7/2012   | Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp. | 12/7/2012             |   |

| STT  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản  | Thời điểm có hiệu lực | <b>Ghi chú</b><br>Trường hợp tính đến thời điểm hệ thống hóa (31/12) mà văn bản chưa có hiệu lực thì ghi rõ “Chưa có hiệu lực” hoặc văn bản đã hết hiệu lực một phần thì ghi rõ “Hết hiệu lực một phần”. |
|--|------------------|--|---|-----------------------|--|
| 13   | Quyết định       | Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 18/9/2012   | Quyết định về ban hành Quy chế tổ chức thực hiện và quản lý các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp hẻm trên địa bàn quận Gò Vấp theo phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. | 27/9/2012             |  |
| <b>III. CHỈ THỊ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN</b> |                  |  |   |                       |  |
| 01   | Chỉ thị          | Chỉ thị số 05/2004/CT-UB-NC ngày 31/5/2004     | Chỉ thị về tăng cường xây dựng, phát triển lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên trong tình hình mới.   | 31/5/2004             |  |
| 02   | Chỉ thị          | Chỉ thị số 01/2005/CT-UB ngày 07/01/2005       | Chỉ thị về tăng cường vận động nhân dân thực hiện chương trình mục tiêu 3 giảm, bảo đảm trật tự an toàn giao thông đô thị.  | 07/01/2005            |  |
| 03   | Chỉ thị          | Chỉ thị số 01/2009/CT-UBND ngày 14/7/2009      | Chỉ thị về tăng cường quản lý nhà nước đối với vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trên địa bàn quận Gò Vấp.  | 21/7/2009             |  |



| STT                        | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản   | Thời điểm có hiệu lực | <p style="text-align: center;"><b>Ghi chú</b></p> Trường hợp tính đến thời điểm hệ thống hóa (31/12) mà văn bản chưa có hiệu lực thì ghi rõ “Chưa có hiệu lực” hoặc văn bản đã hết hiệu lực một phần thì ghi rõ “Hết hiệu lực một phần”. |
|----------------------------|------------------|--|--|-----------------------|--|
| 04                         | Chỉ thị          | Chỉ thị số 02/2009/CT-UBND ngày 07/8/2009      | Chỉ thị về áp dụng thống nhất bộ thủ tục hành chính của UBND thành phố Hồ Chí Minh tại các đơn vị trực thuộc trên địa bàn quận Gò Vấp. | 14/8/2009             |  |
| <b>Tổng số: 18 văn bản</b> |                  |  |  |                       |  |

*Gò Vấp, ngày 27 tháng 01 năm 2014*

**DANH MỤC  
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP  
CÒN HIỆU LỰC TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA**

*(Kèm theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp ban hành trước ngày 25 tháng 4 năm 2009 và Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kỳ đầu)*

| <b>STT</b>                                      | <b>Tên loại văn bản</b> | <b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b> | <b>Tên gọi của văn bản/<br/>Trích yếu nội dung của văn bản</b>  | <b>Thời điểm có hiệu lực</b> | <b>Ghi chú</b> Trường hợp tính đến thời điểm hệ thống hóa (31/12) mà văn bản chưa có hiệu lực thì ghi rõ “Chưa có hiệu lực” hoặc văn bản đã hết hiệu lực một phần thì ghi rõ “Hết hiệu lực một phần”. |
|---|-------------------------|---|---|------------------------------|---|
| <b>I. NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN</b> |                         |   |   |                              |   |
| 01  | Nghị quyết              | Nghị quyết số 20/2008/NQ-HĐND ngày 11/7/2008          | Nghị quyết về quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo quận Gò Vấp đến năm 2020. | 11/7/2008                    |   |

| STT  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản   | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú Trường hợp tính đến thời điểm hệ thống hóa (31/12) mà văn bản chưa có hiệu lực thì ghi rõ “Chưa có hiệu lực” hoặc văn bản đã hết hiệu lực một phần thì ghi rõ “Hết hiệu lực một phần”. |
|--|------------------|--|--|-----------------------|--|
| <b>II. QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN</b> |                  |  |  |                       |  |
| 01   | Quyết định       | Quyết định số 16/2006/QĐ-UBND ngày 10/4/2006   | Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo công tác phòng không nhân dân quận Gò Vấp.   | 17/4/2006             |  |
| 02   | Quyết định       | Quyết định số 26/2006/QĐ-UBND ngày 18/8/2006   | Quyết định ban hành quy chế sử dụng và quản lý chương trình phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại các đơn vị thuộc quận Gò Vấp.          | 25/8/2006             |  |
| 03   | Quyết định       | Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 27/5/2008   | Quyết định về sắp xếp lại tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND.                     | 06/6/2008             |  |
| 04   | Quyết định       | Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 13/10/2008  | Quyết định ban hành Quy chế phân công trách nhiệm tiếp công dân, nhận và xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo tại UBND quận Gò Vấp. | 13/10/2008            |  |
| 05   | Quyết định       | Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 04/02/2010  | Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức quán triệt và thực hiện chiến lược phòng, chống tham nhũng đến năm 2020.                             | 11/02/2010            |  |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản   | Thời điểm có hiệu lực | <b>Ghi chú</b> Trường hợp tính đến thời điểm hệ thống hóa (31/12) mà văn bản chưa có hiệu lực thì ghi rõ “Chưa có hiệu lực” hoặc văn bản đã hết hiệu lực một phần thì ghi rõ “Hết hiệu lực một phần”. |
|-----|------------------|--|--|-----------------------|---|
| 06  | Quyết định       | Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 27/9/2010   | Quyết định ban hành Quy chế về hỗ trợ chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác giúp đỡ Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm.                           | 04/10/2010            |   |
| 07  | Quyết định       | Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 30/5/2011   | Quyết định về sửa đổi, bổ sung Quy chế về hỗ trợ chế độ, chính sách và khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm | 06/6/2011             |   |
| 08  | Quyết định       | Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 16/9/2011   | Quyết định ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức thuộc quận Gò Vấp.  | 23/9/2011             |   |
| 09  | Quyết định       | Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 30/11/2011  | Quyết định ban hành Quy định về công tác thi đua khen thưởng tại quận Gò Vấp.  | 07/12/2011            |   |
| 10  | Quyết định       | Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 01/6/2012   | Quyết định ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Gò Vấp.  | 07/6/2012             |   |

| STT  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản   | Thời điểm có hiệu lực | <b>Ghi chú</b> Trường hợp tính đến thời điểm hệ thống hóa (31/12) mà văn bản chưa có hiệu lực thì ghi rõ “Chưa có hiệu lực” hoặc văn bản đã hết hiệu lực một phần thì ghi rõ “Hết hiệu lực một phần”. |
|--|------------------|--|--|-----------------------|---|
| 11   | Quyết định       | Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 01/6/2012   | Quyết định ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Gò Vấp.   | 07/6/2012             |   |
| 12   | Quyết định       | Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 05/7/2012   | Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp. | 12/7/2012             |   |
| 13   | Quyết định       | Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 18/9/2012   | Quyết định về ban hành Quy chế tổ chức thực hiện và quản lý các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp hẻm trên địa bàn quận Gò Vấp theo phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.                    | 27/9/2012             |   |
| <b>III. CHỈ THỊ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN</b> |                  |  |  |                       |   |
| 01   | Chỉ thị          | Chỉ thị số 05/2004/CT-UB-NC ngày 31/5/2004     | Chỉ thị về tăng cường xây dựng, phát triển lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên trong tình hình mới.  | 31/5/2004             |   |

| STT                        | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản   | Thời điểm có hiệu lực | <b>Ghi chú</b> Trường hợp tính đến thời điểm hệ thống hóa (31/12) mà văn bản chưa có hiệu lực thì ghi rõ “Chưa có hiệu lực” hoặc văn bản đã hết hiệu lực một phần thì ghi rõ “Hết hiệu lực một phần”. |
|----------------------------|------------------|--|--|-----------------------|---|
| 02                         | Chỉ thị          | Chỉ thị số 01/2005/CT-UB ngày 07/01/2005       | Chỉ thị về tăng cường vận động nhân dân thực hiện chương trình mục tiêu 3 giảm, bảo đảm trật tự an toàn giao thông đô thị.             | 07/01/2005            |   |
| 03                         | Chỉ thị          | Chỉ thị số 01/2009/CT-UBND ngày 14/7/2009      | Chỉ thị về tăng cường quản lý nhà nước đối với vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trên địa bàn quận Gò Vấp.                         | 21/7/2009             |   |
| 04                         | Chỉ thị          | Chỉ thị số 02/2009/CT-UBND ngày 07/8/2009      | Chỉ thị về áp dụng thống nhất bộ thủ tục hành chính của UBND thành phố Hồ Chí Minh tại các đơn vị trực thuộc trên địa bàn quận Gò Vấp. | 14/8/2009             |   |
| <b>Tổng số: 18 văn bản</b> |                  |  |  |                       |   |

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gò Vấp, ngày 27 tháng 01 năm 2014

**DANH MỤC**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP  
HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ HOẶC MỘT PHẦN TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA**

*(Kèm theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp ban hành trước ngày 25 tháng 4 năm 2009 và Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kỳ đầu)*

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ**

| STT                       | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|---------------------------|------------------|--|--|--------------------|-------------------|
| Không có                  |                  |  |  |                    |                   |
| <b>Tổng số: 0 văn bản</b> |                  |  |  |                    |                   |

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN**

| STT                       | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/<br>trích yếu nội dung của văn bản | Nội dung,<br>quy định hết hiệu lực | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|---------------------------|------------------|--|------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Không có                  |                  |  |                                    |                    |                   |
| <b>Tổng số: 0 văn bản</b> |                  |  |                                    |                    |                   |

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Gò Vấp, ngày 27 tháng 01 năm 2014*

**DANH MỤC**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP  
CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ HOẶC BAN HÀNH MỚI TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA**  
*(Kèm theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp  
về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp ban hành  
trước ngày 25 tháng 4 năm 2009 và Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kỳ đầu)*

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản<br>Trường hợp kiến nghị ban hành mới thì không cần ghi nội dung này. | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản  | Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới) | Nội dung kiến nghị/<br>Lý do kiến nghị  | Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo | Thời hạn xử lý/kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng |
|-----|------------------|---|--|--|---|-----------------------------------|--|
| 01  | Quyết định       | Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 13/10/2008   | Quyết định ban hành Quy chế phân công trách nhiệm tiếp công dân, nhận và xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo tại | Thay thế   | - Về phần căn cứ ban hành của Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND: Đối với Luật Khiếu nại, Tố cáo năm 1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, Tố cáo năm 2004 và năm 2005; Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và | Thanh tra quận                    | Trước quý II/2014                                  |



| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản<br>Trường hợp kiến nghị ban hành mới thì không cần ghi nội dung này. | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản | Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới) | Nội dung kiến nghị/<br>Lý do kiến nghị   | Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo | Thời hạn xử lý/kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng |
|-----|------------------|---|---|--|--|-----------------------------------|--|
|     |                  |   | UBND quận Gò Vấp.                                   |  | hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo đã được thay thế bởi Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP; Đối với Quyết định số 132/2006/QĐ-UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh đã được sửa đổi bởi Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 18/4/2012 của UBND Thành phố về Quy trình tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy trình tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; theo đó các quy định về tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và trình tự giải quyết khiếu nại, tố cáo và tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật trong Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND không còn phù hợp. |                                   |  |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản<br>Trường hợp kiến nghị ban hành mới thì không cần ghi nội dung này. | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản   | Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới) | Nội dung kiến nghị/<br>Lý do kiến nghị  | Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo | Thời hạn xử lý/kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng |
|-----|------------------|---|---|--|---|-----------------------------------|--|
| 02  | Quyết định       | Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 16/9/2011  | Quyết định ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức thuộc quận Gò Vấp. | Sửa đổi  | - Về phần căn cứ ban hành của Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND: Đối với Pháp lệnh lưu trữ quốc gia năm 2011 và Nghị định số 111/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của chính phủ thì đã được thay thế bởi Luật Lưu trữ (có hiệu lực 1/7/2012) và có Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 quy định chi tiết thi hành Luật Lưu trữ, do vậy các nội dung quy định về công tác lưu trữ trong văn bản được rà soát không còn phù hợp, cần được sửa đổi.                                  | Phòng Nội vụ                      | Trước quý II/2014                                  |
| 03  | Quyết định       | Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 30/11/2011   | Quyết định ban hành Quy định về công tác thi đua khen thưởng tại quận Gò Vấp.                     | Thay thế   | - Về phần căn cứ ban hành của Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND: Đối với Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 thì đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (có hiệu lực ngày 01/6/2014); do Quyết định 03/2011/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của UBND quận Gò Vấp đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 05/7/2012 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp (trong khi | Phòng Nội vụ                      | Trước quý II/2014                                  |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản<br>Trường hợp kiến nghị ban hành mới thì không cần ghi nội dung này. | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản  | Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới) | Nội dung kiến nghị/<br>Lý do kiến nghị   | Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo | Thời hạn xử lý/kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng |
|-----|------------------|---|--|--|--|-----------------------------------|--|
|     |                  |   |  |  | <i>đó, Quyết định này cũng có nội dung không phù hợp khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua năm 2013 có hiệu lực) do vậy cần được thay thế bởi một văn bản khác.</i>   |                                   |  |
| 04  | Quyết định       | Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 01/6/2012  | Quyết định ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Gò Vấp. | Sửa đổi, bổ sung   | - Về phần căn cứ ban hành của Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND: Đối với Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì một số nội dung quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều nội dung trái, mâu thuẫn với Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, nhưng đến thời điểm hiện tại Ủy ban nhân dân thành phố chưa có ban hành văn bản nào để sửa đổi, bổ sung các nội dung cho phù hợp. | Phòng Tư pháp                     | Trước quý II/2014                                  |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản<br>Trường hợp kiến nghị ban hành mới thì không cần ghi nội dung này. | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản  | Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới) | Nội dung kiến nghị/<br>Lý do kiến nghị   | Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo | Thời hạn xử lý/kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng |
|-----|------------------|---|--|--|--|-----------------------------------|--|
| 05  | Quyết định       | Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 05/7/2012  | Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp. | Thay thế   | - Về phần căn cứ ban hành của Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND: Đối với Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 thì đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (có hiệu lực ngày 01/6/2014); do Quyết định 03/2011/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của UBND quận Gò Vấp sửa đổi, bổ sung Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại quận Gò Vấp ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp (trong khi đó Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND này cũng có nội dung không phù hợp khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua năm 2013 có hiệu lực) do vậy cần được thay thế bởi một văn bản khác. | Phòng Nội vụ                      | Trước quý II/2014                                  |
| 06  | Quyết định       | Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 18/9/2012  | Quyết định ban hành Quy chế tổ chức thực hiện và quản lý các dự án đầu tư mở rộng,   | Sửa đổi, bổ sung   | - Về phần căn cứ ban hành của Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND: Đối với Luật Đất đai năm 2003 thì đã được thay thế bởi Luật Đất đai năm 2013 (có hiệu lực ngày 01/7/2014); Đối với Luật Đầu thầu năm  | - Phòng Tài chính<br>- Kế hoạch;  | Trước quý II/2014                                  |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản<br>Trường hợp kiến nghị ban hành mới thì không cần ghi nội dung này. | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản   | Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới) | Nội dung kiến nghị/<br>Lý do kiến nghị   | Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo | Thời hạn xử lý/kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng |
|-----|------------------|---|---|--|--|-----------------------------------|--|
|     |                  |   | nâng cấp hẻm trên địa bàn quận Gò Vấp theo phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.                     |  | 2005 đã đã được thay thế bởi Luật Đấu thầu năm (có hiệu lực ngày 01/7/2014); Đối với Nghị định số 12/2009/NĐ-CP và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2012/NĐ-CP và Nghị định số 15/2013/NĐ-CP; do một số quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng; giám sát thực hiện xây dựng theo giấy phép xây dựng; Quản lý chất lượng công trình xây dựng trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng... đã được thay đổi theo các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên do vậy Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. | - Phòng Quản lý đô thị            |  |
| 07  | Chi thị          | Chỉ thị số 05/2004/CT-UBND ngày 31/5/2004   | Chỉ thị về tăng cường xây dựng, phát triển lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên trong tình hình mới. | Thay thế   | - Về phần căn cứ ban hành của Chỉ thị số 05/2004/CT-UBND: Đối với Chỉ thị số 22/2003/CT-UB ngày 03/9/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường xây dựng, phát triển lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới thì đã bị bãi bỏ bởi Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày  | Ban Chỉ huy quân sự quận          | Trước quý II/2014                                  |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản<br>Trường hợp kiến nghị ban hành mới thì không cần ghi nội dung này. | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản  | Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới) | Nội dung kiến nghị/<br>Lý do kiến nghị  | Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo | Thời hạn xử lý/kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng |
|-----|------------------|---|--|--|---|-----------------------------------|--|
|     |                  |   |  |  | ngày 09 tháng 01 năm 2012 của UBND thành phố về bãi bỏ văn bản do không còn phù hợp với quy định pháp luật; do phần lớn nội dung của Chỉ thị số 05/2004/NQ-HĐND là căn cứ vào nội dung của Chỉ thị số 22/2003/CT-UB ngày 03/9/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh nên hiện tại các nội dung này cũng không còn phù hợp, do vậy cần ban hành văn bản mới thay thế cho Chỉ thị số 05/2004/CT-UBND.  |                                   |  |
| 08  | Chỉ thị          | Chỉ thị số 01/2005/CT-UB ngày 07/01/2005  | Chỉ thị về tăng cường vận động nhân dân thực hiện chương trình mục tiêu 3 giảm, bảo đảm trật tự an toàn giao thông đô thị. | Sửa đổi, bổ sung   | - Về tình hình phát triển kinh tế, xã hội: Căn cứ các mục tiêu “ <i>giảm phạm pháp hình sự: 3%/năm</i> ”, “ <i>tỷ lệ khám phá án hình sự: 70%/năm</i> ”, “ <i>giảm tai nạn giao thông: 10%/năm</i> ” tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ quận Gò Vấp lần thứ X nhiệm kỳ 2010-2015 ngày 30/7/2012 và phương hướng đảm bảo an ninh trật tự đến năm 2015 tại Điểm 4.2 Khoản 4 Mục I và Khoản 8 Phần B của Báo cáo số 311/BC-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh giai đoạn 2011 - 2013 và kế hoạch | Ban Chỉ huy quân sự quận          | Trước quý II/2014                                  |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản<br>Trường hợp kiến nghị ban hành mới thì không cần ghi nội dung này. | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản | Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới) | Nội dung kiến nghị/<br>Lý do kiến nghị  | Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo | Thời hạn xử lý/kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng |
|-----|------------------|---|---|--|---|-----------------------------------|--|
|     |                  |   |   |  | đến năm 2015 thì nội dung, đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Chỉ thị số 01/2005/CT-UBND còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, đặc biệt công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn và xã hội trên địa bàn quận; tuy nhiên nội dung quy định một số quy định nhiệm vụ cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ (đã thay đổi như <i>Đội Quản lý TTĐT</i> ) do vậy cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định pháp luật và tình hình mới. |                                   |  |

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng